



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: \_\_\_\_\_

IV#: \_\_\_\_\_

VEWL.#: \_\_\_\_\_

I-171: \_\_\_\_\_ Y \_\_\_\_\_ N \_\_\_\_\_

EXIT VISA.#: \_\_\_\_\_

\*\*\*\*\*  
\* WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER \*  
\* REGISTRATION FORM \*  
\* (Two Copies) \*  
\*\*\*\*\*

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM Ng Thi Cúc  
Last Middle First

Current Address 28A Hẻm Cây Khô - hẽ Thái TỐ - Vĩnh Long - Cần Thơ

Date of Birth 19 43 Place of Birth VN

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/  
FATHER)

Cao Thanh Nhân

Previous Occupation (before 1975) 2nd Lt  
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 6/75 To DEATH DATE: 5/83  
Released: 2/81

3. SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
Name

\_\_\_\_\_  
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone</u> | <u>Relationship</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| _____                                | _____               |
| _____                                | _____               |
| _____                                | _____               |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : \_\_\_\_\_  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

**QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS**  
**CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN**

ODP IV # \_\_\_\_\_

Date: \_\_\_\_\_

Ngày: 4-11-1989

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:  
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

**A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản**

1. Name  
Họ, tên : NGUYEN THI CUC Sex: Nữ (female)  
Phái
2. Other Names  
Họ, tên khác : None
3. Date/Place of Birth  
Ngày/Nơi Sinh : Long Phước - Long Hồ - Cửu Long
4. Residence Address  
Địa-chỉ thường-trú : 28 A. Hẻm Cây Khế - Đường Lê Thái Tổ  
P.2. Thị xã Vĩnh Long. Cửu Long
5. Mailing Address  
Địa-chỉ thư-tử : 28 A Hẻm Cây Khế - Đường Lê Thái Tổ  
P.2. Thị xã Vĩnh Long. Cửu Long
6. Current Occupation  
Nghề-nghiệp hiện tại : Vội trổ

**B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi**

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)  
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

| Name<br>Họ, Tên         | Date of Birth<br>Ngày/Tháng/Năm sinh | Place of Birth<br>Nơi sinh | Sex<br>Phái | MS<br>Tình trạng gia đình | Relationship<br>Liên-hệ gia-đình |
|-------------------------|--------------------------------------|----------------------------|-------------|---------------------------|----------------------------------|
| 1. <u>Cao Minh Hùng</u> | <u>14-7-1972</u>                     | <u>Long Châu</u>           | <u>Nam</u>  | <u>Độc thân</u>           | <u>Con ruột</u>                  |
| 2.                      |                                      | <u>Vĩnh Long</u>           |             |                           |                                  |
| 3.                      |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 4.                      |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 5.                      |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 6.                      |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 7.                      |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 8.                      |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 9.                      |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 10.                     |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 11.                     |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 12.                     |                                      |                            |             |                           |                                  |

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

Chú Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy hôn thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn thì không cần-ngữ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.  
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name  
Họ, Tên

: NGUYỄN VĂN RÚT

b. Relationship  
Liên-hệ gia-đình

: cha ruột

c. Address  
Địa-chỉ

: Ruckland, MASS  
USA

D. Date of Relatives Arrival  
in the U.S.  
Ngày bà con đến Mỹ

:

2. Closest Relative in Other Foreign Countries  
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name  
Họ, tên

:

b. Relationship  
Liên-hệ gia-đình

:

c. Address  
Địa-chỉ

:

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father  
Cha

: NGUYEN VAN PHUOC Chết

2. Mother  
Mẹ

: BUI THI HUÊ Chết

3. Spouse  
Vợ/Chồng:

: CAO THANH NHAN Chết

4. Former Spouse (if any)  
Vợ/Chồng trước (nếu có):

Không

5. Children  
Con cái:

(1) Cao thanh loan Sống sinh 1969

(2) Cao minh Hùng Sống sinh 1972

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1) Nguyễn văn Trọng Sống

(2) Nguyễn thi Phần Sống

(3) Nguyễn thi Hoa Sống

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng lly

1. Employee Name  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
  
Position title  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
  
Agency/Company/Office  
Sở/Hang/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_  
  
Length of Employment From: To:  
Thời-gian làm-việc Từ \_\_\_\_\_ Đến \_\_\_\_\_  
  
Name of American Supervisor  
Tên họ giám-thị Mỹ: \_\_\_\_\_  
  
Reason for Separation  
Lý do nghỉ việc : \_\_\_\_\_

2. Employee Name  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
  
Position title  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
  
Agency/Company/Office  
Sở/Hang/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_  
  
Length of Employment From: To:  
Thời-gian làm việc Từ \_\_\_\_\_ Đến \_\_\_\_\_  
  
Name of American Supervisor  
Tên họ giám-Thị Mỹ: \_\_\_\_\_  
  
Reason for Separation  
Lý-do nghỉ-việc : \_\_\_\_\_

3. Employee Name  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
  
Position title  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
  
Agency/Company/Office  
Sở/Hang/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_  
  
Length of Employment From: To:  
Thời gian làm việc Từ \_\_\_\_\_ Đến \_\_\_\_\_  
  
Name of American Supervisor  
Tên họ giám-thị Mỹ: \_\_\_\_\_  
  
Reason for Separation  
Lý do nghỉ việc : \_\_\_\_\_

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/Chồng đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving  
Họ tên người tham-gia: CAO THANH NHAN

2. Dates: From: To:  
Ngày, tháng, năm Từ 18-6-1961 Đến 30-4-1975

3. Last Rank  
Cấp-bậc cuối-cùng : Thiếu-úy Serial Number:  
Số thẻ nhân-viên: 31867

4. Ministry/Office/Military Unit  
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : Trưởng Cuộc Cảnh Sát Tân An. Vĩnh Long  
Cảnh Sát Quốc Gia.

5. Name of Supervisor/C.O.  
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan  
chỉ-huy : Bùi Văn Nhỏ, Thiếu Tá CSQG

6. Reason for Separation :  
Lý do nghỉ việc : 20-4-75.
7. Names of American Advisor(s):  
Họ tên cố-vấn Mỹ :
8. U.S. Training Courses in Vietnam:  
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ tại Viet-Nam : Khóa Huân luyện Chỉ Huy Cảnh Sát Đã Chiếm - tại Mã Lai A.
9. U.S. Awards or Certificates  
Name of award: Ngày received:  
Phân-thưởng hoặc giấy khen: Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes \_\_\_ No \_\_\_.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đồng sở có không? Có \_\_\_ Không \_\_\_.)

C. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:  
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: CAO THANH NHAN
2. School and School Address : Trường Huân luyện Chỉ Huy CS. Đã Chiếm tại Mã Lai A.  
Trường và địa-chỉ nhà trường :
3. Dates: From 24/9/60 To  
Ngày, tháng, năm Từ Tháng 9/1960 Đến Tháng Mười
4. Description of Courses :  
Mô-tả ngành học : Chông Du-kích, diển hành nganh CSĐC
5. Who paid for training?  
Ai đài-thọ chương-trình huấn-luyện? : Mỹ.

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes \_\_\_ No \_\_\_.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có lấy không? Có \_\_\_ Không \_\_\_ *chất lạc*)

H. Re-education of You or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:  
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : CAO THANH NHAN
2. Time in Reeducation: From: To:  
Thời gian học-tập Từ: 30-4-1975 Đến: 4-12-1981
3. Still in Reeducation?\* Yes No  
Vẫn còn học-tập cải-tạo?\* Có Không Không

\*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

\*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Chức chú phụ-thuộc

Chồng tôi bị CA Cần Long bắt ngày mùng 2-5-1983. và chết (tử sát) ngày 5-5-1983. (đính kèm giấy xác nhận đã chết và giấy khai tử).

Signature

Ký tên :

Date

Ngày:

4-11-1989

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với câu hỏi này

- 1.- giấy ra trại của CAO THANH NHAN
- 2.- giấy xác nhận chết -H-
- 3.- giấy khai tử -H-
- 4.- giấy chứng chỉ sống chung.
- 5.- Khai sanh CAO MINH HÙNG
- 6.- Chứng Minh Nhân Dân NGUYỄN THỊ CÚC + CAO MINH HÙNG
- 7.- Hình 4x6 : NGUYỄN THỊ CÚC + CAO MINH HÙNG CAO THANH NHAN.

Việt Nam ngày 04-11-1989

Kính gửi : Bà Hội-Bưởi Hội gia đình từ nhân  
Chánh Trị Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Kính Bà:

Với nỗi đau cháu kính chúc Bà được khỏe  
sức khỏe cháu mừng.

Cháu xin phép Bà ít thì giờ quý báu để gửi  
chút tâm trí u. vẫn mà hơn 10 năm qua cháu  
để trong lòng. Chồng cháu thì xác chết đi, để  
lại cháu ở giữa con bỏ ở giữa tương đối.

Với tất cả niềm hy vọng cháu gửi sang Bà  
mong Bà để tâm cứu xét và nâng đỡ để  
mẹ con cháu được ởm sang Hoa Kỳ theo  
chương trình HO mà giữa Chánh Khẩu Hoa Kỳ và  
Việt Nam đang ký kết.

Hở bên này cháu đã nộp vào ngày 26/10/89  
với Biên nhận số 207

Ngày đặt chân lên đất Mỹ, cháu sẽ tìm  
thăm Bà như lòng cháu luôn ước mơ.

Bà nhân nơi đây lòng nhớ ơn của gia  
đình cháu. /

Kính thư

Cháu



Nguyễn Thị Cúc



Vũ NGUYỄN THỊ CÚC



CAO THỊNH NHẬT



Com: CAO MINH HÙNG

Sauk 04.6.40  
Chet 5.5.83

S<sup>1</sup>0<sup>1</sup>-c:  
31867

3 tấm ảnh

Hx6

- Cao Thanh Nhân

- Nguyễn Thị Cúc

- Cao Minh Hùng

Đ/c : LBA hẻm

- Cây Khế,

Đường Lê Thước T. 2

Phường 3

Thị trấn Cầu Lộ

Tỉnh Cần Thơ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số ~~230/7/66~~

Họ tên NGUYỄN THỊ CÚC



Sinh ngày 1943

Nguyên quán Long-Phước

Long-Ho, Cửu-Long

Nơi thường trú Long-Thuận

Long-Phước, Long-Ho, C-Long

|                                                                                   |               |                                                                                                                                                                            |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| Dân tộc: Kinh                                                                     |               | Tôn giáo: Không                                                                                                                                                            |  |
|   | NGÓN TRỎ TRÁI | DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH                                                                                                                                                 |  |
|                                                                                   |               | Sẹo tròn 0,6 cm<br>cách 4 cm, dưới sau<br>mép phải                                                                                                                         |  |
|  | NGÓN TRỎ PHẢI | Ngày ... tháng 07 năm 1982<br>KHOA QUẢN ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN<br><br>Nguyễn Văn Tiến |  |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: 004.017600

Họ tên: CAO MINH HÙNG

Sinh ngày: 1972

Nguyên quán: Phường 2,  
Vĩnh Long, Cửu Long

Nơi thường trú: 28 K3, Phường 2,  
Vĩnh Long, Cửu Long.



|                                                                                   |                |                                                                                                           |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| Dân tộc: <b>Kinh</b>                                                              |                | Tôn giáo: <b>không</b>                                                                                    |  |
|  | NGƯỜI TRỞ TRẠI | DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH                                                                                |  |
|                                                                                   |                | Đạo chạm cách 4cm<br>trên trước đầu Lông<br>mày fải                                                       |  |
|  | NGƯỜI TRỞ PHẢI | Ngày: 30 tháng 11 năm 1988                                                                                |  |
|                                                                                   |                | NGƯỜI CHỮA HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN                                                                         |  |
|                                                                                   |                | <br><i>Trần Văn Nhàn</i> |  |

CA. TỈNH CỬU LONG  
BCH. PHẢN GIÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

PA \_\_\_\_\_  
SỐ : 04 /GT

Cửu Long, ngày 13 tháng 10 năm 1989.

\*—

KÍNH GỎI: Công an phường 11 Dwell  
BCHFL xác nhận anh Cao Thanh nhận mình  
ngày 4-6-1940 bị bắt về Tòa thẩm tra ở  
Đ. CM. Trung vụ án cao đài mang tên "bức  
thiệp đưa giải quân tử" anh nhận bị xác vào  
ngày mùng 5/5/83 tại (lưu xác tại ban chỉ huy  
FL - C.A. Cửu Long)

BCHFL xác nhận đề nghị của anh  
Đ. Khai Dwell



Lê Văn Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT 9/P3

Xã, Thị trấn: Đ. Vĩnh Long  
Thị xã, Quận: Đ. Vĩnh Long  
Thành phố, tỉnh: Cần Thơ

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG TỬ

Số 421  
Quyển số 021

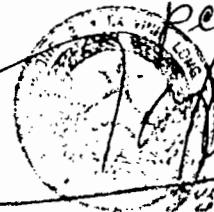
|                            |                                                                     |
|----------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên :                | <u>CAO THANH NHÂN</u>                                               |
| Nam hay nữ :               | <u>(nam)</u>                                                        |
| Sinh ngày tháng năm :      | <u>04 - 6 - 1940</u>                                                |
| Dân tộc :                  | <u>Kinh</u>                                                         |
| Quốc tịch :                | <u>Việt Nam</u>                                                     |
| Nơi ĐKNK thường trú :      | <u>28<sup>a</sup> Cây Khé, phường 2, TXVL, CL</u>                   |
| Ngày tháng năm chết :      | <u>05 - 5 - 1983 Âm lịch</u>                                        |
| Nơi chết :                 |                                                                     |
| Nguyên nhân chết :         | <u>Tự sát</u>                                                       |
| Họ tên tuổi người báo tử : | <u>Nguyễn Thị Cúc</u>                                               |
| Nơi ĐKNK thường trú :      | <u>28<sup>a</sup> Cây Khé, phường 2, Thị xã Vĩnh Long - Cần Thơ</u> |
| Số giấy CM giấy CNCC :     | <u>CMND số = 330744665</u>                                          |
| Quan hệ với người chết :   | <u>Vợ chính</u>                                                     |

Hàng lý ngày 13 tháng 10 năm 1989

TM/ UBND PHƯỜNG 2

(Ký tên, đóng dấu)

Relu Tich

  
Nguyễn Văn Nghĩa

BỘ NỘI VỤ  
CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRẠI CẢI TẠO BẾN GIÀ

GIẤY CHỨNG

Số: 29 /GT

Căn cứ chỉ thị số 316/CT ngày 22/06/1977 của  
Trưởng Chính Phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt  
Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan  
trên địa phương đã và đang phải nhận sửa chữa công tác  
cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc Phòng - Nội Vụ số 107  
LT ngày 29/12/77 và việc thực hiện chỉ thị số 316/CT, năm 1977 của Thủ tướng Chính Phủ.

THực hiện quyết định số: 1067 ngày 2-2-81

Căn cứ tại 140 Thủ Khoa

CẤP QUẢN TRẠI

Họ và tên: CAO THANH NHAN

Ngày sinh: 1940

Quê quán: Tân Giu Sa đê

Trú quán: Xã Tân Lập, TC. PHUQUỐC TX. Vĩnh Long

Số lượng: đặc biệt, thuộc vụ trong 15 năm

quân, đến với các tổ chức chính trị

đang biên chế độ cũ:

Thước kẻ: THUỐC KẼM ES X. Tân An

- Khi về, phải chấp hành nghiêm chỉnh ngay lập tức với  
nhân dân xã Công an xã, huyện: Phước 2

thực hiện, nhận: T. Vĩnh Long Tỉnh, thành phố Vĩnh Long  
và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban nhân dân tỉnh, thị  
phố về việc quản chế, về địa cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: 1 năm kể từ ngày

đến 4 Tháng 12 năm 1981

- Tiền và lương: thực đi đường đi có:

Ngày 4 tháng 2 năm 1981

CHỖ GIẤY THỦ TƯỚNG

Thường ủy Nguyễn Văn Cao

## CHỨNG CHỈ SỐNG CHUNG

Ủy-Ban Hành-Chánh Xã Lưu Diểu (Thị trấn)

Chứng nhận Bà Nguyễn Thị Cúc sinh ngày năm 1943  
tại xã Long Hiệp (huyện Long), là vợ chính thức bậc nhất của  
Ông Cao Thành Thuận hôn thú số 067 lập tại Long Hiệp  
(huyện Long) ngày 29/5/1965 cư ngụ tại nhà số đường  
xã Long Hiệp (LH) hiện chung với chồng không để, bỏ hay sống riêng biệt  
với 29 đứa con:

[illegible]

Là con ruột của Ông \_\_\_\_\_ và Bà \_\_\_\_\_  
và hiện còn sống do cha mẹ chúng nó nuôi dưỡng  
(a) Chứng thêm rằng: Ông Đỗ Nguyễn thọ Quý không phải là công hay  
tư chức

**Chúng tôi này cấp cho đường sự thấp chiều và tiện dụng.**

**NHẬN THỰC :**

Chợ Lỵ của Ủy Ban H.C 35

Ang-diy

ỦY BAN HÀNH CHÍNH XÃ

**Xã - Trưởng,**

Ủy viên Club số

ngày tháng năm 197

**QUẢN TRƯỞNG.**

ỦY BAN HÀNH CHÍNH XÃ

**Xã - Trưởng,**

Ủy viên Club số

**CHÚ THÍCH** — a. Câu này dành cho nữ giáo viên cũ chồng không phải là công hay tư chức.

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, Thị trấn Sông Phước  
Thị trấn, Quận Sông Phước  
Thành phố, Tỉnh Sông Phước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT 3/P3

# BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 1930

Quyển số 01

|                                                                                               |                                                                                                           |                                 |                    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------|
| Họ và tên                                                                                     | <u>CAO MINH HÙNG</u>                                                                                      |                                 | Nam, nữ <u>Nam</u> |
| Sinh ngày<br>tháng, năm                                                                       | <u>Ngày mười bảy tháng bảy năm một nghìn chín trăm bảy mươi hai (17-07-1972)</u>                          |                                 |                    |
| Nơi sinh                                                                                      | <u>Xã Sông Phước (Vĩnh Long)</u>                                                                          |                                 |                    |
| Khai về cha, mẹ                                                                               | CHA                                                                                                       | MẸ                              |                    |
| Họ, tên, tuổi (hoặc<br>ngày, tháng, năm sinh)                                                 | <u>Cao Thanh Nhân 1940</u>                                                                                | <u>Nguyễn Thị Cúc 1943</u>      |                    |
| Dân tộc<br>Quốc tịch                                                                          | <u>Kinh Việt Nam</u>                                                                                      | <u>Kinh Việt Nam</u>            |                    |
| Nghề nghiệp<br>Nơi ĐKKK thường trú                                                            | <u>Sao tăng Xã Vĩnh</u>                                                                                   | <u>Hội trưởng ấp Sông Phước</u> |                    |
| Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK<br>thường trú, số giấy chứng<br>minh hoặc CNCC của<br>người đứng khai | <u>Nguyễn Thị Cúc 1943<br/>Đã ở ấp Sông Phước; Xã Sông Phước;<br/>Thị trấn Sông Phước; tỉnh Vĩnh Long</u> |                                 |                    |

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 03 tháng 08 năm 1979

TM/UBND Sông Phước ký tên đóng dấu

P. Chính  
Minh Long

Đăng ký ngày 03 tháng 08 năm 1979

(Ký tên, đóng dấu của cơ quan)

Đinh Văn Sơn

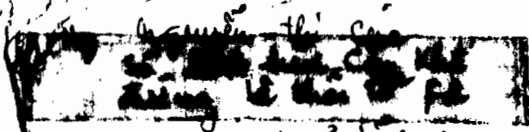


FROM: Nguyễn Thị Cúc. 28A  
hẻm cây khế  
đường Lê Thái Tổ F2  
T.X. Vĩnh Long  
Tại Việt - Nam

Thư riêng



TO: Bà Kluc - Minh - Elio  
PO. Box 5425 ARLINGTON  
VA 22205-0625  
USA



Bưu cục Vĩnh Long  
 Vĩnh Long  
 Việt-Nam

PAR AVION



Linh giới Bà : KHUẾ - MINH - THỎ  
 P.O. BOX 5435 ARLINGTON VA  
 22205-0635

USA.

DEC 05 1989